

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Toán; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh H và chị T (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2020 và bản tự khai ngày 16/12/2020 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T chung sống với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2010. Đến ngày 28/02/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngay cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Thêm vào đó, do vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay anh xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Đức H, sinh ngày 12/8/2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 22/02/2018. Ly hôn, anh yêu cầu được giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2020, chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2010. Đến ngày 28/02/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Thêm vào đó, do vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay anh H làm đơn ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Đức H, sinh ngày 12/8/2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 22/02/2018. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, việc cấp dưỡng nuôi con do anh H tự nguyện, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T được ly hôn; Về con chung: Giao hai cháu Bùi Đức H, sinh ngày 12/8/2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 22/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác

định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh H và chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[5]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T chung sống với nhau như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2010. Đến ngày 28/02/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, do vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Việc này, cả anh H và chị T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh H và chị T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T được ly hôn.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, cả anh H và chị T đều yêu cầu giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H và chị T, giao cháu Bùi Đức H và Bùi Ngọc A cho chị T tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[7]. Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị Bùi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Bùi Thị T.
2. Về con chung: Giao hai cháu Bùi Đức H, sinh ngày 12/8/2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 22/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002952 ngày 08/12/2020. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị T. Anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc